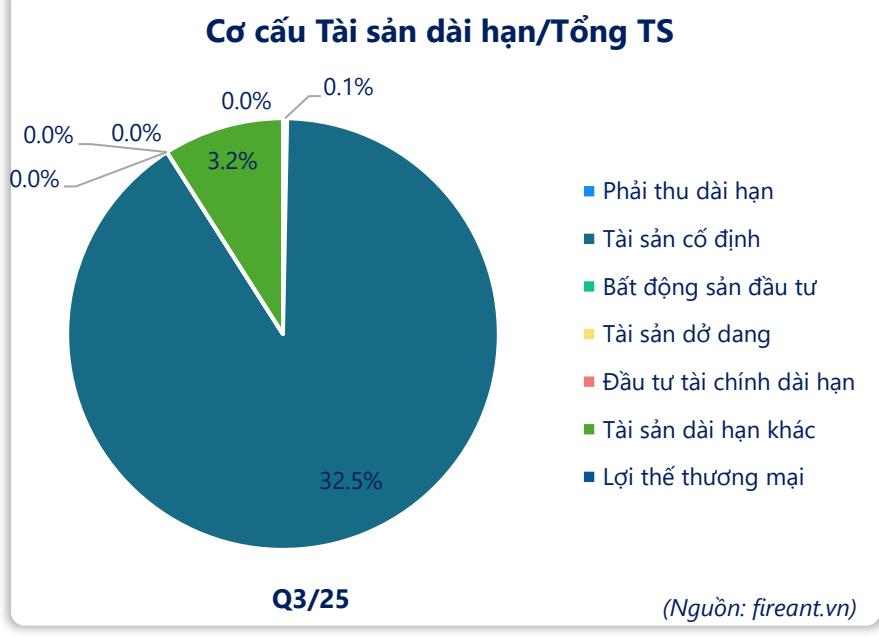
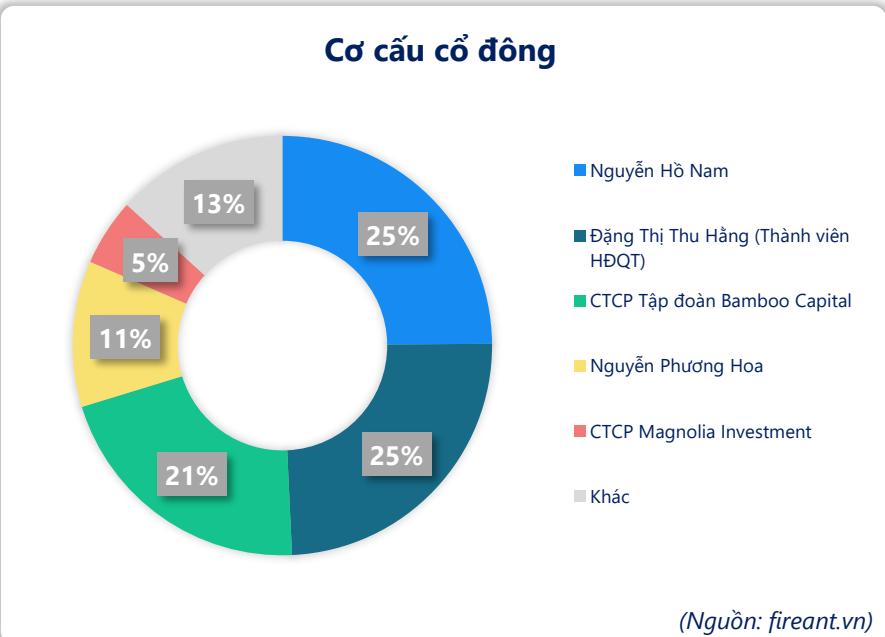
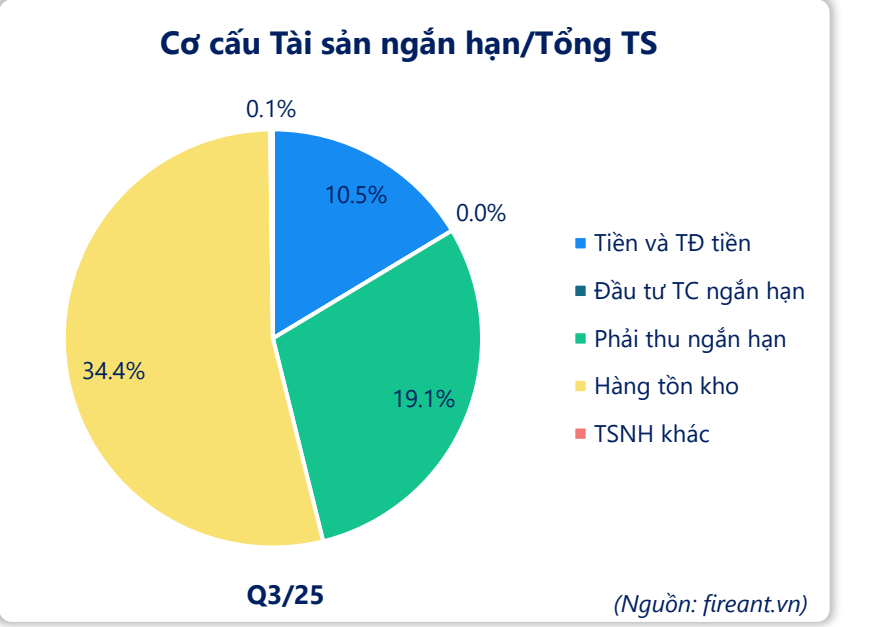
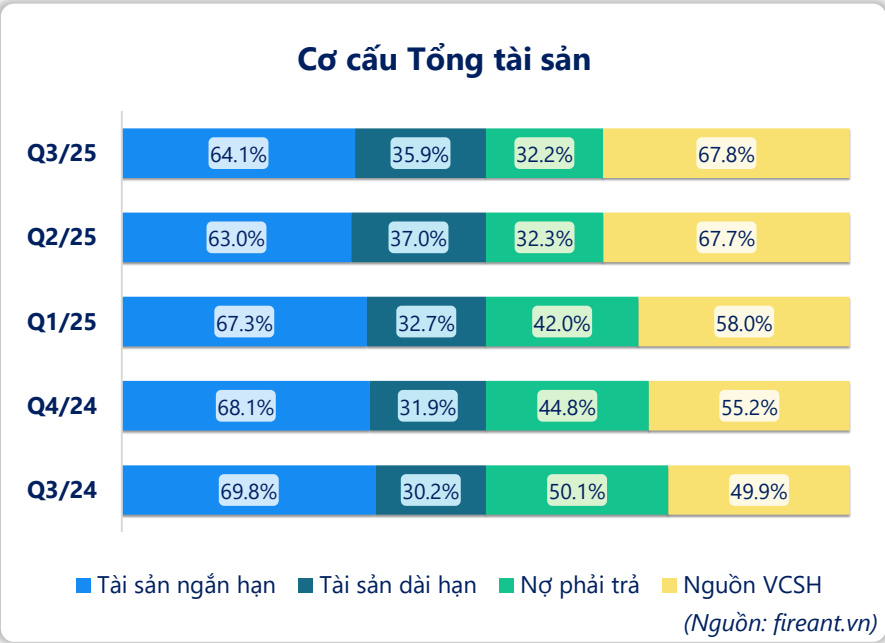
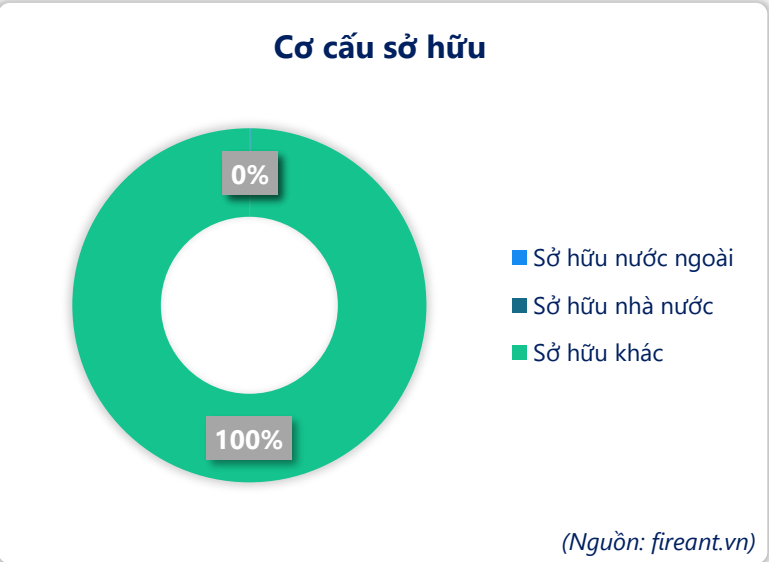
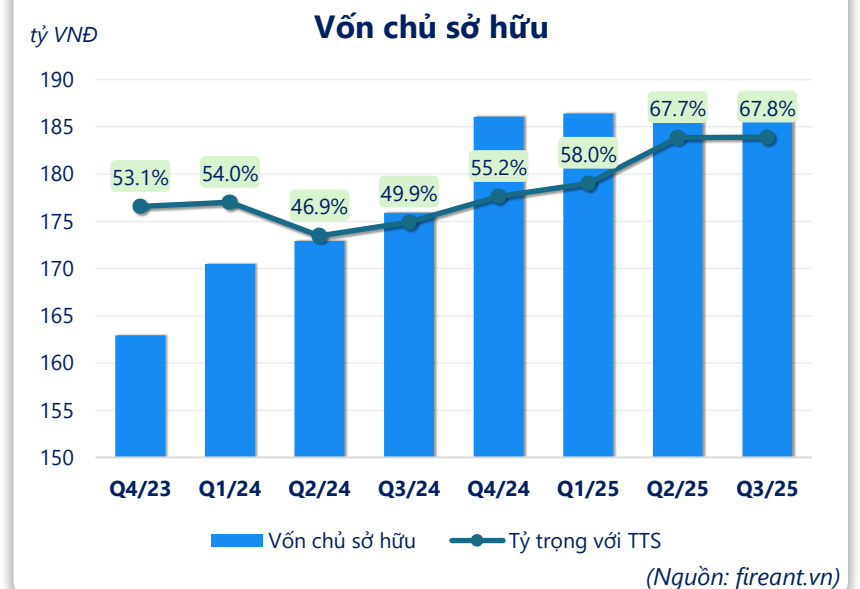
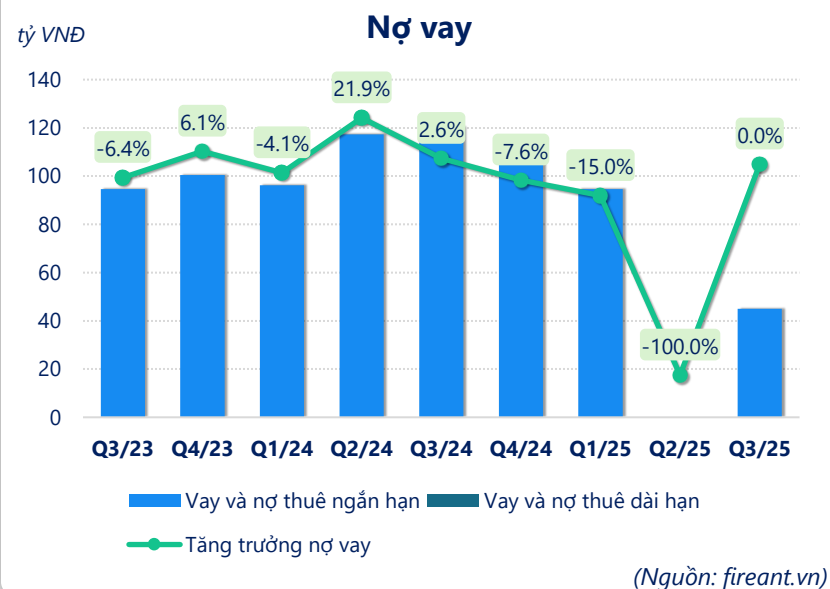
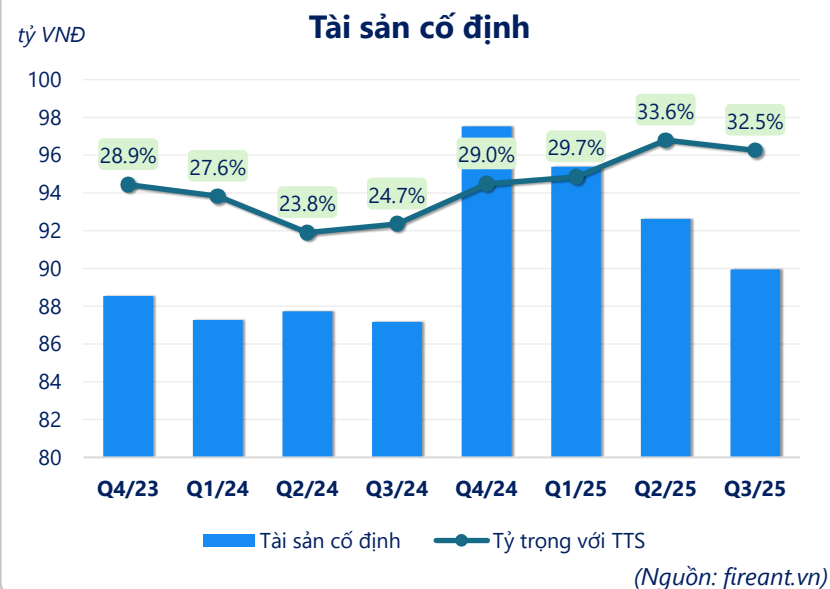
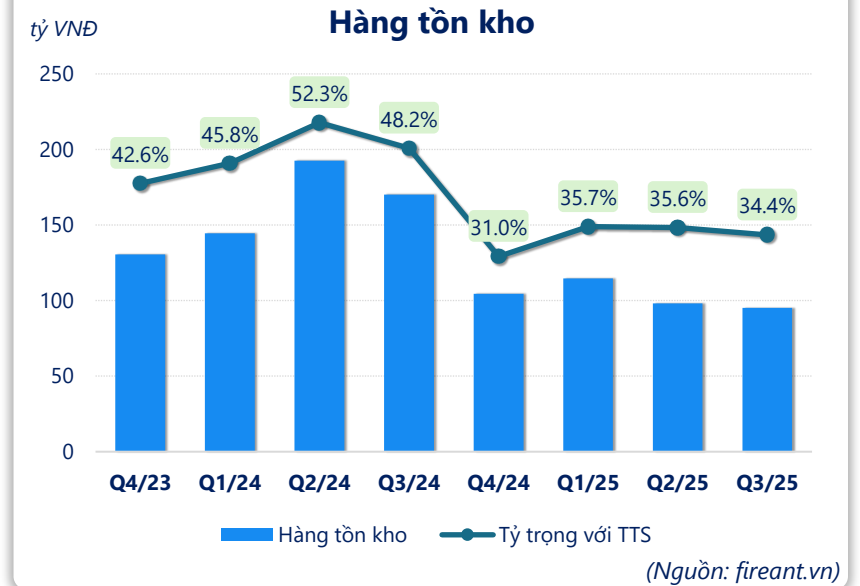
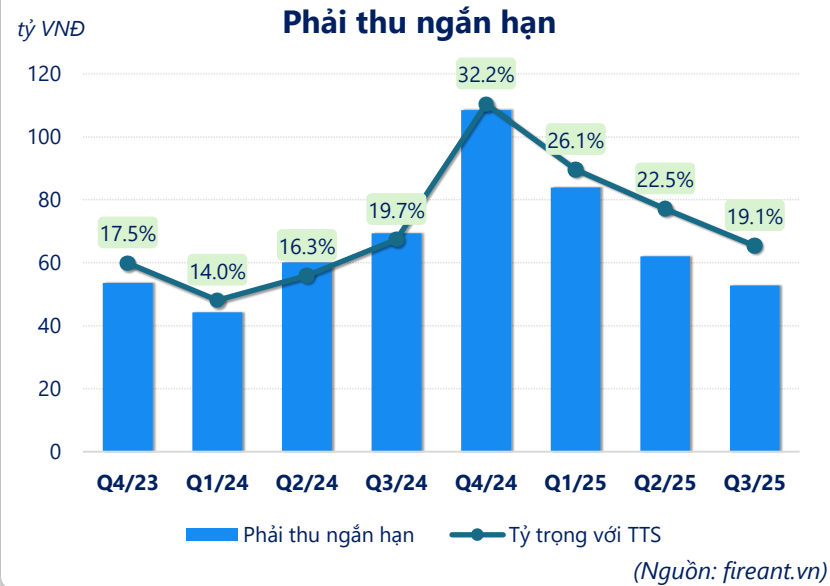
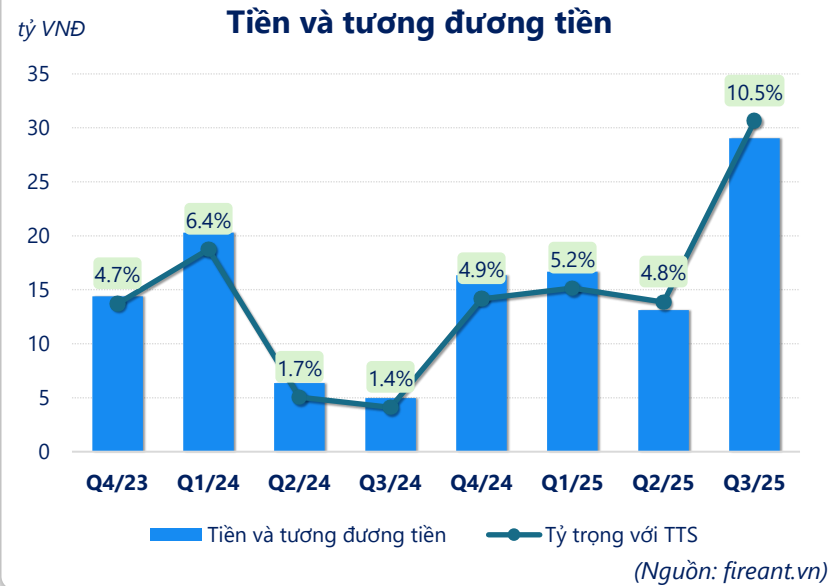
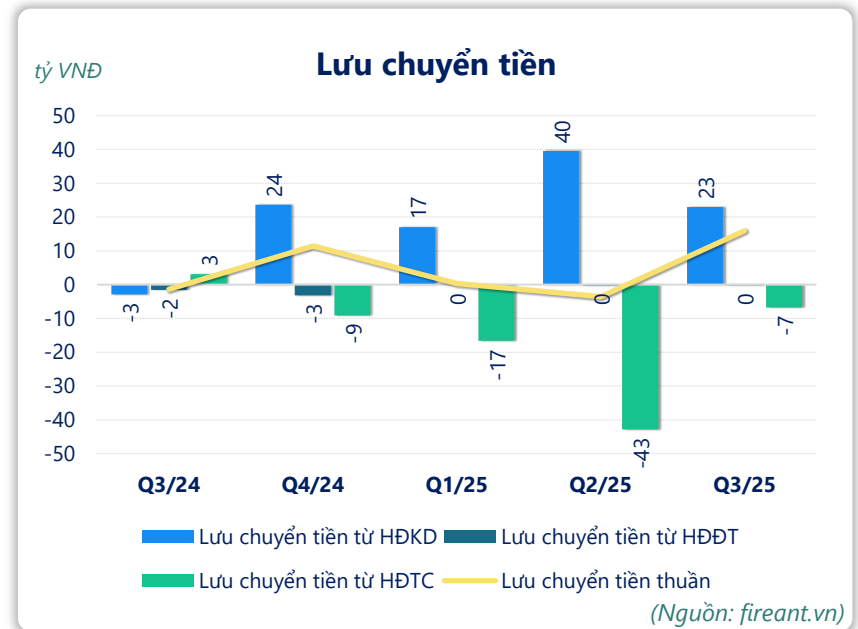
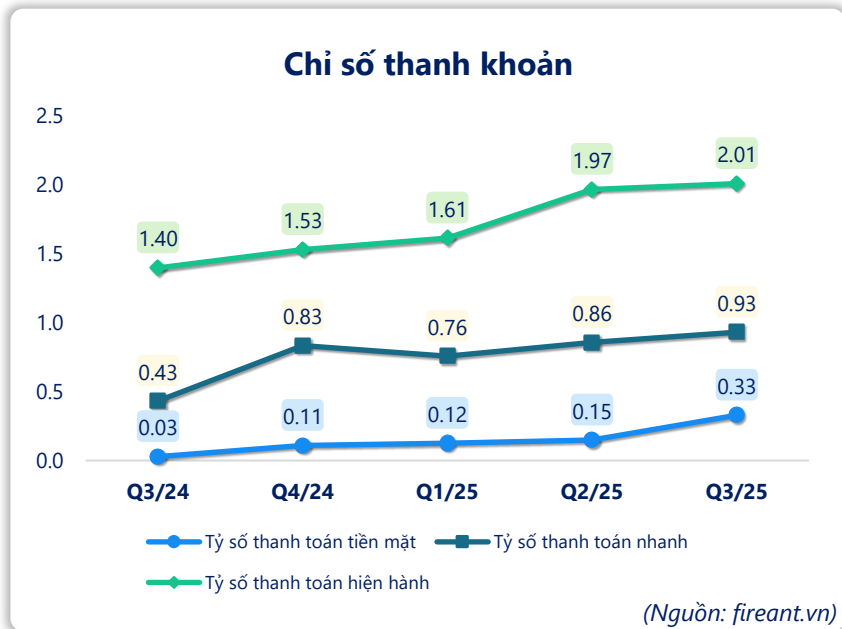
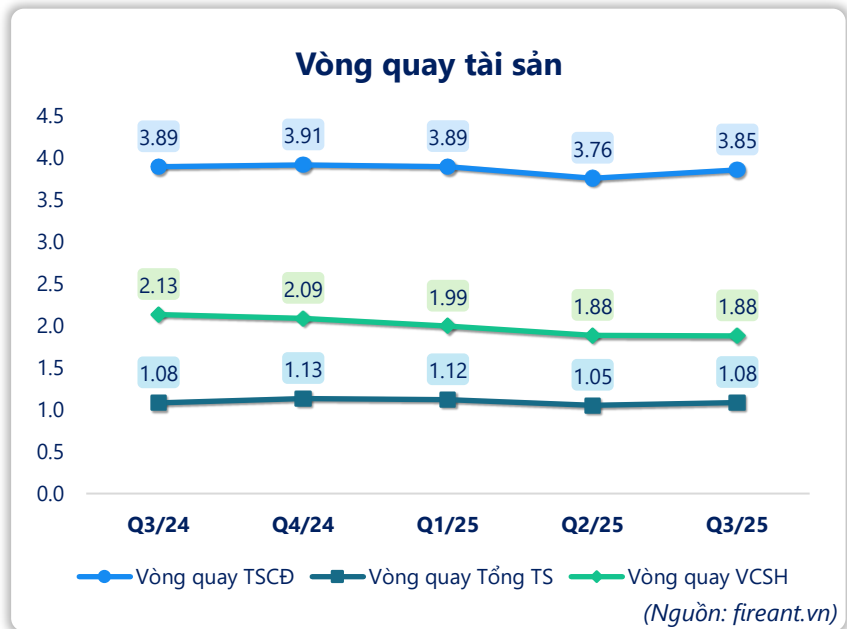
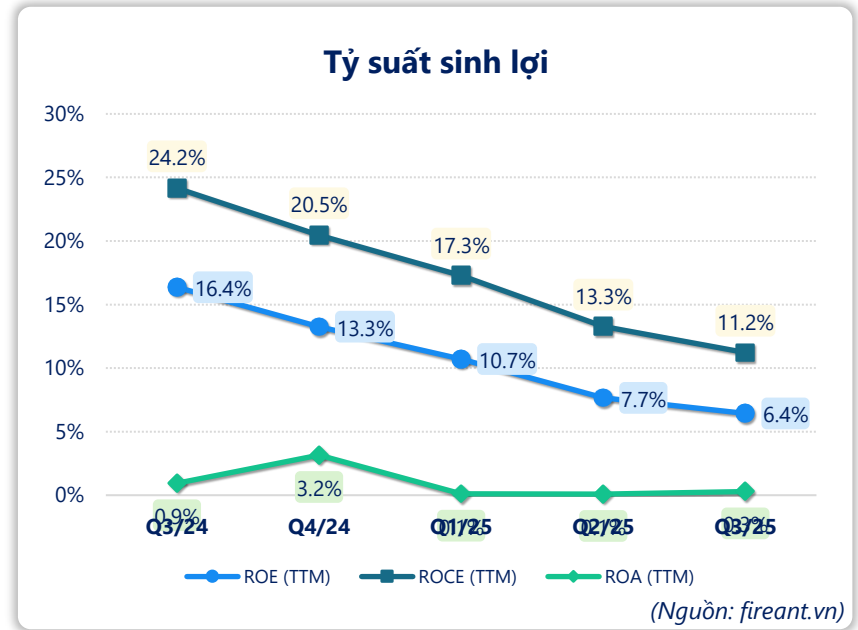
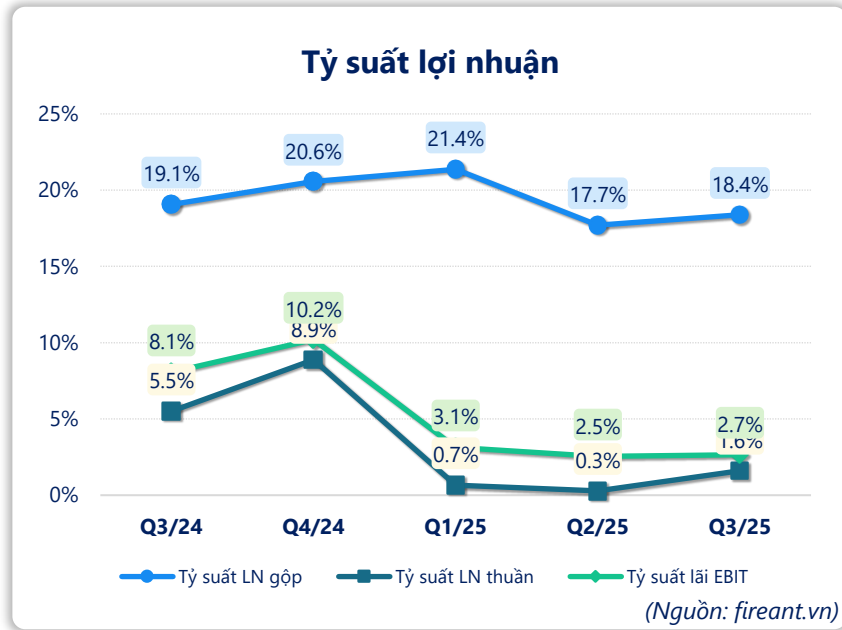
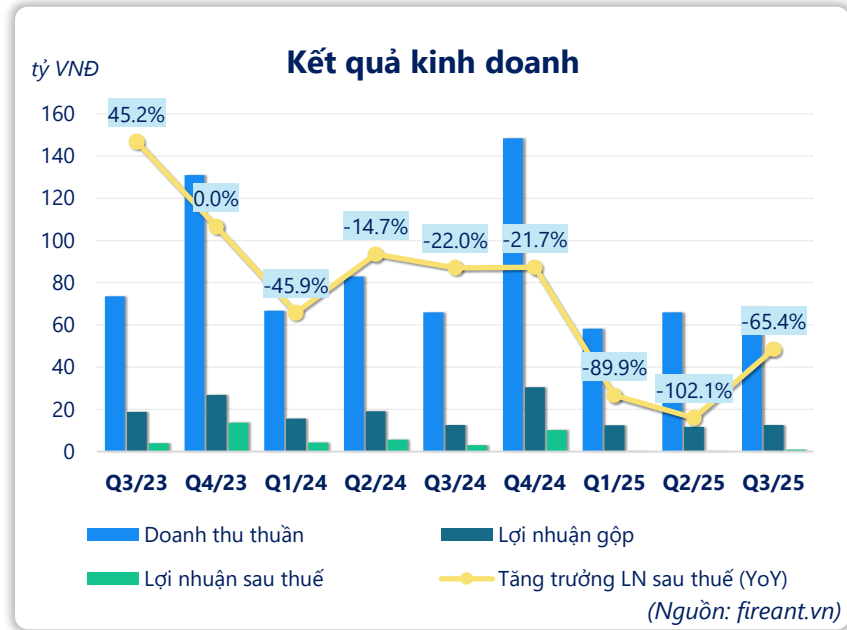


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		21,944
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,281
SL cổ phiếu LH		9,605,318
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,490
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		144
P/E		12.3
EPS		1,217

	YTD	1T	3T	6T
DTG	-20.3%	-5.1%	3.8%	-16.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	277	337	-17.9%
Tài sản ngắn hạn	177	230	-22.7%
Tiền và tương đương tiền	29.0	16.4	77.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	52.8	109	-51.3%
Hàng tồn kho	95.2	104	-8.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.39	0.18	109%
Tài sản dài hạn	99.2	107	-7.5%
Phải thu dài hạn	0.31	0.31	0.0%
Tài sản cố định	90.0	97.5	-7.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.96	9.50	-5.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	89.0	151	-41.0%
Nợ ngắn hạn	88.3	150	-41.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.0	111	-59.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.7	19.0	35.6%
Nợ dài hạn	0.67	0.73	-7.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	188	186	0.8%
Vốn chủ sở hữu	188	186	0.8%
Vốn điều lệ	96.1	83.5	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	66.0	148	58.3	65.9	68.7
Giá vốn hàng bán	53.4	118	45.8	54.3	56.1
Lợi nhuận gộp	12.6	30.5	12.5	11.7	12.6
Doanh thu HĐTC	0.23	0.05	0.15	0.03	0.03
Chi phí TC	1.68	1.94	1.39	1.54	0.70
Chi phí lãi vay	1.67	1.82	1.39	1.37	0.69
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.75	3.75	2.53	2.97	3.06
Chi phí QLDN	4.77	11.7	8.29	7.01	7.79
LN thuần từ HĐKD	3.63	13.2	0.39	0.19	1.11
Lợi nhuận khác	0.02	0.14	0.05	0.12	0.03
LN trước thuế	3.65	13.3	0.44	0.31	1.14
Lợi nhuận sau thuế	2.99	10.1	0.35	0.29	0.91
LNST của CĐ cty mẹ	2.99	10.1	0.35	0.29	0.91

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.89	23.7	17.0	39.6	23.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.61	-3.15	-0.05	-0.30	-0.24
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.11	-9.11	-16.7	-42.9	-6.80
Tiền đầu kỳ	6.37	4.97	16.4	16.7	13.1
Lưu chuyển tiền thuần	-1.40	11.4	0.32	-3.58	15.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.01	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	4.97	16.4	16.7	13.1	29.0

(Nguồn: fireant.vn)